

NGÂN HÀNG CHÍNH
SÁCH XÃ HỘI
Số: 55/QĐ-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 2 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành quy định xử lý nợ bị rủi ro
trong hệ thống Ngân Hàng Chính Sách Xã Hội**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

- Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ;
- Căn cứ Quyết định số 69/2005/QĐ-TTg ngày 04/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xử lý nợ rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Căn cứ Thông tư số 65/2005/TT-BTC ngày 16/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện quy chế xử lý nợ rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 69/2005/QĐ-TTg ngày 04/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các văn bản hiện hành quy định về xử lý nợ bị rủi ro đối với cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 3. Đối với những trường hợp khách hàng gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan xảy ra trước ngày Thông tư số 65/2005/TT-BTC nêu trên có hiệu lực thi hành (20/9/2005), khách hàng và Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ và thực hiện xử lý nợ theo các văn bản hướng dẫn trước đây.

Điều 4. Tổng giám đốc, Trưởng phòng các Phòng tại Hội sở chính, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh, Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện và khách hàng vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
P. CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Hà Đan Huân

QUY ĐỊNH

Xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống ngân hàng chính sách xã hội

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 02 năm 2006
của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội)*

**Điều 1. Mục đích của việc xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan tại
Ngân hàng Chính sách xã hội**

1. Tạo điều kiện cho khách hàng vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội khắc phục khó khăn, khôi phục sản xuất, kinh doanh; tạo nguồn thu nhập trả được nợ Ngân hàng.
2. Tạo điều kiện xử lý các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan và nâng cao năng lực tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Khách hàng được vay vốn tại NHCSXH theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan làm mất một

phần hoặc toàn bộ vốn, tài sản dẫn đến gặp khó khăn về tài chính được xem xét xử lý nợ theo quy định này, bao gồm:

1. Hộ nghèo;
2. Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đang học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và học nghề;
3. Các đối tượng cần vay vốn để giải quyết việc làm theo Nghị quyết 120/HĐBT ngày 11/4/1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay được thay thế bằng Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về việc làm);
4. Các đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài;
5. Các tổ chức kinh tế và hộ sản xuất, kinh doanh thuộc hải đảo; thuộc khu vực II, III miền núi và thuộc chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng sâu, vùng xa (nếu có);
6. Các đối tượng vay vốn mua nhà trả chậm hoặc tự làm nhà ở theo chương trình nhà ở tại vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long theo Quyết định số 105/2002/QĐ-TTg ngày 02/8/2002 và Tây Nguyên theo Quyết định số 154/QĐ-TTg ngày 11/11/2002.
7. Các đối tượng vay vốn chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ.
8. Các đối tượng khác khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Giám đốc Sở giao dịch, chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc NHCSXH về việc lập hồ sơ và đề nghị xử lý nợ rủi ro cho khách hàng vay vốn tại chi nhánh.

Điều 4. Phạm vi xử lý nợ bị rủi ro

1. Quy định này hướng dẫn việc xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan thuộc các đối tượng vay vốn NHCSXH tại Điều 2 nêu trên.

Đối với khách hàng vay vốn tại NHCSXH có tài sản bảo đảm theo quy định gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan, các chi nhánh được quyền chủ động xử lý tài sản bảo đảm theo thoả thuận với khách hàng và theo quy định của pháp luật để thu hồi vốn.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm dùng để bù đắp chi phí xử lý tài sản bảo đảm; hoàn trả nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng; nếu thừa thì trả lại cho khách hàng, nếu thiếu thì phần thiếu được xử lý rủi ro theo quy định của văn bản này.

2. Các khoản nợ bị rủi ro trong cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác của NHCSXH do nguyên nhân chủ quan của tổ chức, cá nhân thì tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Các khoản cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác tại NHCSXH bằng nguồn vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư theo từng Hiệp định hoặc Hợp đồng ký kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước mà đã được trích dự phòng rủi ro riêng hoặc đã thoả thuận về nguồn vốn xử lý nợ rủi ro thì việc xử lý nợ bị rủi ro thực hiện theo Hiệp định hoặc Hợp đồng đã ký kết với tổ chức, cá nhân.

Điều 5. Nguyên tắc xử lý nợ bị rủi ro

1. Việc xem xét, xử lý nợ bị rủi ro cho khách hàng chỉ được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau:

- a. Khách hàng là hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn theo quy định tại Điều 2 nêu trên đã sử dụng vốn vay đúng mục đích;
- b. Khách hàng bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan làm mất một phần hoặc toàn bộ vốn, tài sản;
- c. Khách hàng gặp khó khăn về tài chính dẫn đến chưa có khả năng trả nợ hoặc không có khả năng trả được nợ cho Ngân hàng.

2. Việc xử lý nợ bị rủi ro cho khách hàng được xem xét từng trường hợp cụ thể căn cứ vào nguyên nhân dẫn đến rủi ro, mức độ rủi ro và khả năng trả nợ của khách hàng, đảm bảo đầy đủ hồ sơ pháp lý, đúng trình tự, khách quan và công bằng giữa các đối tượng vay vốn.

Điều 6. Các nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng bao gồm các trường hợp cụ thể sau:

1. Các nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng được xem xét miễn, giảm lãi tiền vay:

- a. Thiên tai bao gồm: bão, lũ lụt, lũ quét, hạn hán, mất mùa, động đất, sét đánh, mưa đá, sạt lở đất, lốc xoáy, sóng thần.
- b. Dịch họa, chiến tranh.
- c. Hoả hoạn, cháy rừng.
- d. Các dịch bệnh liên quan đến con người, gia súc, gia cầm, thủy hải sản, động vật nuôi khác và cây trồng.
- đ. Nhà nước điều chỉnh chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng như: không còn nguồn cung cấp nguyên vật liệu; mặt hàng sản xuất kinh doanh bị cấm, bị hạn chế theo quy định của pháp luật hoặc khách hàng phải thực hiện việc chuyển đổi sản xuất, kinh doanh theo quyết định của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- e. Do biến động chính trị, kinh tế - xã hội ở khu vực, quốc tế và nước nhận lao động của Việt Nam làm ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài như: doanh nghiệp tiếp nhận lao động bị phá sản, giải thể; người lao động bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động mất việc làm; người lao động bị tai nạn nghề nghiệp trong quá trình lao động ở nước ngoài.

2. Các nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng được xem xét xoá nợ gồm:

- a. Khách hàng là cá nhân vay vốn bị mất năng lực hành vi dân sự, ốm đau thường xuyên phải điều trị dài ngày, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không nơi nương tựa, chết, mất tích hoặc bị tuyên bố là chết, mất tích mà không còn tài sản để trả nợ hoặc không có người thừa kế hoặc người thừa kế thực sự không có khả năng trả nợ thay cho khách hàng.
- b. Khách hàng là pháp nhân, tổ chức kinh tế đã có quyết định giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật mà không còn vốn, tài sản để trả nợ cho Ngân hàng.

Điều 7. Quy định về rủi ro tròn diện rộng và rủi ro đơn lẻ, cục bộ.

- 1. Các rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại điểm 1, Điều 6 xảy ra đối với đa số khách hàng được vay vốn từ 5 (năm) xã, phường trở lên thì được coi là rủi ro xảy ra trên diện rộng (không phân biệt theo địa bàn hành chính huyện, tỉnh).